

Bản án số: 107/2019/HS-PT

Ngày 27-02-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Hoàng Anh

2. Ông Bùi Đức Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Diệp - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 580/2018/HSPT ngày 24 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Văn Thanh P do có kháng cáo của bị hại Trần Ngọc H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2018/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Văn Thanh P (tên gọi khác: M); giới tính: nam; sinh ngày 09 tháng 7 năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A đường HB, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: LVH và bà: VTH; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không;

Tiền án: ngày 21/01/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về “Tội Cố ý gây thương tích” (Bản án số 09/2014/HSST - BL 152-154); ngày 26/7/2015 chấp hành xong án phạt tù (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 550/GCN của Trại giam Xuyên Mộc – Tổng cục VIII - BL 155); tại Công văn số 1235/CCTHADS ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 về việc trả lời xác minh (BL 156) ghi nhận: đương sự Văn Thanh P đã thi hành xong khoản nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 953.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0210 ngày 25/3/2014 và số 0805 ngày 12/9/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11; đối với khoản buộc PLĐT và Văn Thanh P cùng liên đới bồi thường cho ông VQH số tiền 37.532.000 đồng và lãi chậm thi hành án thì Chi cục Thi hành án

dân sự Quận 11 đã ra Quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án số 59/QĐ-CCTHA ngày 28/5/2014 cho ông VQB và ông B đã đồng ý nhận đơn với lý do đương sự T và P không có tài sản để đảm bảo việc thi hành án; đối với khoản buộc PLĐT và Văn Thanh P cùng liên đới bồi thường cho bà KTNL số tiền 600.000 đồng và lỗi chậm thi hành án thì cho đến thời điểm hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 vẫn chưa nhận được đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án;

Bị bắt, tạm giam ngày: 28/4/2018 (có mặt)

- Bị hại kháng cáo:

Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1970

Thường trú: ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Long An

Chỗ ở: số A2 ấp D, xã B2, huyện C2, tỉnh Long An

Những nơi đã cư trú:

Số A3 đường LLQ, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh

Số A4 đường LTV, phường B4, quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 23/11/2017, TVM, THH1 và Văn Thanh P đến nhà ông Trần Ngọc H tại số A3 đường LLQ, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh tìm ông H để nói chuyện giải hòa mâu thuẫn trước đó. Ông H đi ra thì bị bị cáo Văn Thanh P cầm 02 chai thủy tinh đánh vào đầu và mặt gây thương tích. Ông H được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Quận 11, sau đó, bà NTH (vợ ông H) đến Công an Phường 3, Quận 11 trình báo sự việc.

Tại Cơ quan điều tra:

Ông Trần Ngọc H trình bày: vào chiều ngày 23/11/2017, ông H có gặp và nhậu chung với TVM. Trong lúc nhậu thì ông H có nói cho ông Minh biết việc bị cáo P thường xuyên qua xóm đòi tiền N (bạn chung xóm của ông H), ông H nhờ ông M có quen biết bị cáo thì nói giúp bị cáo cho N từ từ trả nợ. Sau khi nhậu xong thì ông H về nhà ngủ; đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, ông H nghe tiếng con gái là TTBV kêu có người tìm nên ông từ trên gác đi xuống. Khi ra cửa thì ông H trông thấy THH1, Văn Thanh P cùng TVM và 01 thanh niên tên T (không xác định được lai lịch) đứng trước nhà. Khi ông H bước xuống thềm nhà thì H1 xông đến 01 tay đẩy vai, 01 tay cầm chai thủy tinh đánh vào đầu ông; tiếp đến bị cáo xông đến dùng chai thủy tinh đánh vào mặt ông H. Sau khi đánh xong, cả nhóm bỏ đi, ông H được người nhà đưa đến Bệnh viện điều trị.

Bị cáo Văn Thanh P khai nhận: Vào khoảng 22 giờ 15 phút ngày 23/11/2017, bị cáo sang nhà bạn tại số A3 đường LLQ, Phường B3, Quận C3 thì gặp TVM, M kêu bị cáo cùng đi đến nhà ông H nói chuyện, P không đồng ý nên M có dùng tay đánh P 01 cái, P đánh trả lại M rồi bỏ chạy. Sau đó, bị cáo điện thoại cho THH1 nói sự việc bị M đánh, H1 điều khiển xe đến đón P rồi cùng P

tìm gặp M nói chuyện. Lúc này, M nói P có mâu thuẫn với ông H nên cả ba cùng đi bộ sang nhà ông H làm rõ. Khi đến nhà ông H, H1 kêu cửa, ông H từ trong nhà đi ra. H1 dùng tay đẩy và xô xát với ông H, P quay đi tìm vật dụng để đánh ông H thì trông thấy 02 chai nước ngọt (chai thủy tinh) nên nhặt 01 chai cầm trên tay rồi ném trúng đầu ông H, tiếp đó, P nhặt chai còn lại, cầm trên tay phải xông đến đánh trúng mặt ông H 01 cái. Sau khi đánh xong, bị cáo cùng THH1 bỏ đi về còn M đi đâu không rõ.

THH1 khai nhận: H1 cùng bị cáo và TVM đi đến nhà ông H như trên. Khi ông H từ trong nhà xông ra, lo sợ có đánh nhau, H1 dùng tay đẩy ông H ra rồi quay sang đỡ TVM do M bị say rượu đứng dựa vào tường không vững. Lúc này, bị cáo và ông H đánh nhau, bị cáo cầm vật (không xác định) quơ và đánh ông H bị thương tích. H1 không tham gia đánh ông H gây thương tích.

Bà NTH ban đầu khai không chứng kiến việc ông H bị gây thương tích nhưng sau đó khai trông thấy THH1 dùng chai thủy tinh đánh trúng đầu ông H, rồi bị cáo P dùng chai đánh vào mặt ông H gây thương tích.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 75/TgT.18 ngày 12/02/2018 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (BL 29-31) thể hiện:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương đầu vùng đỉnh phải gây rách da tạo thành một sẹo kích thước 1,6x0,15cm, ổn định.

Có tỉ lệ 02%.

Thương tích do vật tày, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra.

- Chấn thương vùng trán mặt gây sưng nề, rách da nhiều nơi tại trán, mũi, mặt, có hình ảnh gãy xương mũi rõ trên phim MSCT chụp sọ mặt, đã được khâu vết thương vùng trán, mặt bảo tồn, hiện còn các sẹo:

+ Một vết tại vùng trên trong mày trái kích thước 1,1x0,1cm.

+ Một vết tại vùng trong mi dưới mắt phải kích thước 0,8x0,1cm.

+ Một vết tại mặt trái kích thước 1x0,3cm.

+ Ba vết tại sống mũi, chóp mũi kích thước 1,2x0,1cm; 0,7x0,1cm và 2x0,1cm.

Có tỉ lệ 16%.

Thương tích do vật tày có cạnh tác động gây ra.

Cộng lại hai tỉ lệ trên sẽ ra tỉ lệ 17,68%, làm tròn số sẽ là 18%.

2. Theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 18%.

3. Kết luận khác: không.

Ngày 07/3/2018, ông Trần Ngọc H có Đơn yêu cầu khởi tố vụ án khởi tố bị can về việc đánh người gây thương tích (BL 33).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2018/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Văn Thanh P (M) phạm “Tội Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Văn Thanh P (M) 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2018.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Văn Thanh P bồi thường thiệt hại cho ông Trần Ngọc H số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Việc bồi thường được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quy định trả lãi trong trường hợp bị cáo chậm trả tiền bồi thường, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 19/11/2018, bị hại Trần Ngọc H có Đơn kháng cáo, nội dung: đề nghị làm rõ hành vi ông THH1 gây ra cho ông H, đề nghị truy tố bổ sung để tránh bỏ lọt tội phạm; cho rằng mức hình phạt xử phạt đối với bị cáo còn nhẹ; cho rằng bị cáo chưa khắc phục thiệt hại cho bị hại cũng như việc thực hiện bồi thường như thế nào, buộc bị cáo bồi thường cho ông H thiệt hại ban đầu với số tiền là 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Văn Thanh P khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm ghi nhận.

Ông Trần Ngọc H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, tuy ông xác định mức số tiền bồi thường thiệt hại mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nhưng ông yêu cầu bị cáo phải thi hành ngay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất của vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 23/11/2017, tại trước nhà số số A3 đường LLQ, Phường B3, Quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Văn Thanh P đã có hành vi dùng chai thủy tinh đánh vào đầu và mặt ông Trần Ngọc H, gây thương tích với tỷ lệ thương tật 18%. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Văn Thanh P về “Tội Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội.

[2] Bị hại Trần Ngọc H có kháng cáo, đơn kháng cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

[3] Xét kháng cáo của bị hại, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Thời điểm bị cáo Văn Thanh P thực hiện hành vi phạm tội là ngày 23/11/2017 (thời điểm Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật), căn cứ nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Văn Thanh P.

Tuy nhiên, theo tinh thần của Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA ngày 05/7/2000 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an thì cần căn cứ vào các yếu tố sau (theo thứ tự) để so sánh: “loại hình phạt nặng hơn so với loại hình phạt nặng nhất được quy định trong điều luật tương ứng”, “mức hình phạt tối đa của khung hình phạt nặng nhất được quy định trong điều luật”, “mức tối thiểu của khung hình phạt nhẹ nhất được quy định trong điều luật”, “hình phạt bổ sung”...., từ đó, có cơ sở xác định điều luật nào quy định một hình phạt nhẹ hơn để áp dụng đối với người phạm tội. Trong vụ án này, Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 không thể hiện Điều luật nào nhẹ hơn khi đối chiếu với nhau; ngoài ra, Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 còn quy định về việc xem xét trách nhiệm hình sự trong trường hợp chuẩn bị phạm tội (khoản 6 Điều 134 dẫn chiếu về Điều 14 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, để đảm bảo tính hiệu lực của Bộ luật Hình sự về thời gian quy định tại khoản 1 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 khi xem xét tội danh và hình phạt đối với bị cáo.

[3.1] Đối với đề nghị làm rõ hành vi ông THH1 gây ra cho ông H, đề nghị truy tố bổ sung để tránh bỏ lọt tội phạm: Từ Biên bản thực nghiệm điều tra, Biên bản đối chất giữa ông H và THH1, giữa THH1 và bà NTH; lời khai của những người làm chứng.... Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm mà Tòa án cấp sơ thẩm đã nêu tại phần nhận định về việc ngoài lời khai của ông H, không còn chứng cứ nào khác để chứng minh THH1 đánh bị hại nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự THH1 về “Tội Cố ý gây thương tích”, từ đó không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

[3.2] Đối với đề nghị xem xét mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo còn nhẹ: bị cáo Văn Thanh P đã sử dụng hung khí nguy hiểm là chai thủy tinh gây thương tích với tỉ lệ thương tật 18% cho bị hại, thuộc trường hợp “phạm tội gây thương tích từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này” quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức hình phạt 03 (ba) năm tù là đã xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do mức hình phạt

đã tuyên là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại.

[3.3] Đối với việc bị hại Trần Ngọc H cho rằng bị cáo Văn Thanh P chưa khắc phục thiệt hại cho bị hại cũng như việc thực hiện bồi thường như thế nào, buộc bị cáo bồi thường cho ông H thiệt hại ban đầu với số tiền là 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả: tại Bản án hình sự sơ thẩm, sau khi tuyên về nghĩa vụ bồi thường dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận rõ về thời điểm thực hiện nghĩa vụ bồi thường, quyền có đơn yêu cầu bồi thường và việc trả lãi trong trường hợp chậm thực hiện. Ngoài ra, Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 tại các điều luật như Điều 1 (phạm vi điều chỉnh), Điều 2 (Bản án, quyết định được thi hành)... cũng thể hiện cơ sở pháp lý áp dụng luật này trong trường hợp thi hành phần dân sự của bản án hình sự sơ thẩm, cụ thể: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét phần nội dung kháng cáo này của bị hại.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại nhưng sửa phần điều luật áp dụng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Ngọc H, giữ nguyên mức hình phạt và các nội dung về bồi thường dân sự.

Sửa bản án sơ thẩm phần điều luật áp dụng.

Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Văn Thanh P (M) phạm “Tội Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Văn Thanh P (M) 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/4/2018.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Văn Thanh P bồi thường thiệt hại cho ông Trần Ngọc H số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng. Việc bồi thường được thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nội nh:

- TAND t^o cao; (1)
- TAND c^op cao t^oi TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Qu^on 11; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- B^o cg; (1)
- Tr^oi giam; (1)
- B^o h^oi; (1)
- Thi h^oh g Qu^on 11; (2)
- TAND Qu^on 11; (1)
- Czng an Qu^on 11; (1)
- UBND n^oi BC c^o tr; (2)
- S^o T^o phg; (1)
- L^ou, T^oa Hmh s^o, h^o s^o (24) (7).

**TM. H^oi ^oNG XT X^o P^oHC TH^oM
TH^oM P^oHN - CH^o T^oA P^oHN T^oA**

L Kim Loan